

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang.

Bà Phạm Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022, về việc: *“Ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Triệu Đức T**, sinh năm 1989.

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn X, phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Huyền H**, sinh năm 1994.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn X, phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Ba Lan.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn anh Triệu Đức T trình bày: Anh và chị Nguyễn Huyền H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/5/2019. Vợ chồng chung sống được khoảng hai tháng thì anh đi xuất khẩu lao động tại Xlovakia. Thời gian đầu vợ chồng có

liên lạc nhưng do không tin tưởng và nghi ngờ lẫn nhau nên thường xảy ra cãi nhau. Tháng 9/2019 do vợ chồng mâu thuẫn gay gắt nên chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh đã cố gắng liên lạc để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tháng 12/2021 khi anh về nước thì được biết chị H cũng đã đi xuất khẩu lao động tại Ba Lan từ tháng 10/2021 cho đến nay chưa về nước. Khi làm thủ tục ly hôn anh đã liên lạc với chị H, chị H cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Huyền H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do anh T không cung cấp được địa chỉ của chị H tại Ba Lan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị H. Ông Nguyễn Văn C là bố đẻ của chị H trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị H biết. Thông qua gia đình chị H có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh T có đơn xin ly hôn, chị cũng nhất trí. Chị H xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không thể về Việt Nam tham gia tố tụng nên chị H có quan điểm xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Triệu Đức T ly hôn chị Nguyễn Huyền H. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Triệu Đức T sinh sống tại Việt Nam, bị đơn chị Nguyễn Huyền H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại Thôn X, phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương, hiện chị H đang lao động tại Ba Lan. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Anh T không cung cấp được địa chỉ của chị H tại Ba Lan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã

hai lần yêu cầu gia đình chị H cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn C (bố đẻ chị H), đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn tố tụng theo quy định nhưng chị H vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Đức T và chị Nguyễn Huyền H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/5/2019, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì anh T đi xuất khẩu lao động tại Xlovakia. Do xa cách nên vợ chồng không tin tưởng và luôn nghi ngờ lẫn nhau. Tháng 9/2019 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó đi xuất khẩu lao động tại Ba Lan vào tháng 10/2021. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Thông qua gia đình chị H cũng có quan điểm nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[2.2] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị H đều xác định không có nên, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Triệu Đức T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Triệu Đức T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Triệu Đức T ly hôn chị Nguyễn Huyền H.

2. Về án phí: Anh Triệu Đức T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm anh T đã nộp, theo biên lai

thu số AA/2020/0004954 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Triệu Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Huyền H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền